

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẾN LÚC  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/DS-ST  
Ngày: 19-11-2021  
V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Đông

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ân
2. Ông Nguyễn Văn Cao

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2021/TLST-DS ngày 22/3/2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung H1, sinh năm 1982 (có mặt);

Nơi cư trú: ấp 1, xã Long S, huyện Cần Đ, tỉnh Long An.

*2. Bị đơn:* Ông Huỳnh Thanh Ph1, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp 1A, xã Thanh Ph, huyện Bến L, tỉnh Long An.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Phu V1, sinh năm 1990 (có mặt); Nơi cư trú: E31/66 ấp 5, xã Long H, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: ấp 1A, xã Thanh Ph, huyện Bến L, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 04/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Trung H1 trình bày:

Ông Nguyễn Trung H1 và ông Huỳnh Thanh Ph1 có mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội. Ngày 27/02/2020, ông H1 cho ông Ph1 vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất các bên thỏa thuận, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng, mục đích vay mua xe, hợp đồng được Văn phòng công chứng Long Hòa vào sổ công chứng số 1466, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph1 đã

vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và nợ lãi cho ông H1. Ông H1 nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Ph1 trả tiền nợ gốc và tiền lãi nhưng ông Ph1 cố tình lẩn tránh nên ông H1 khởi kiện ông Ph1 ra Tòa án.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Trung H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ph1 có nghĩa vụ trả cho ông H1 số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền nợ lãi với lãi suất 9%/năm, tương đương 0,75%/tháng (tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 04/3/2021 là 12 tháng 05 ngày) với số tiền là 27.375.000đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng ông Ph1 có trả cho ông H1 được một tháng tiền lãi với số tiền 2.200.000đồng; Ông H1 đồng ý trừ số tiền này vào số tiền lãi ông H1 khởi kiện ông Ph1 ( $27.375.000đ - 2.200.000đ = 25.175.000đ$ ); Đối với tiền lãi từ ngày 05/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm thì ông H1 không yêu cầu ông Ph1 phải trả cho ông H1 vì hiện tại hoàn cảnh ông Ph1 rất khó khăn. Như vậy, ông H1 yêu cầu ông Ph1 trả cho ông H1 số tiền nợ gốc 300.000.000đồng + nợ lãi 25.175.000đồng = 325.175.000đồng.

Qua trình giải quyết vụ án, bà Đặng Phú V1 trình bày: bà V1 và ông Ph1 là vợ chồng; ông bà có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thanh Phú, huyện Bến Lức, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/5/2010. Ngày 27/02/2020, ông H1 cho ông Ph1 vay số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất các bên thỏa thuận, ngày trả lãi là ngày 27 hàng tháng, mục đích vay mua xe, hợp đồng được Văn phòng công chứng Long Hòa vào sổ công chứng số 1466, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2020, ông Ph1 không thông báo cho bà V1 biết và bà V1 cũng không sử dụng số tiền này vào nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Tại phiên tòa, ông H1 yêu cầu ông Ph1 có nghĩa vụ trả cho ông H1 số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền nợ lãi 25.175.000đồng, tổng cộng 325.175.000đồng thì bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông H1. Tuy nhiên, hiện tại ông Ph1 đi làm ăn xa, kinh tế gia đình rất khó khăn nên bà đề nghị ông H1 cho ông Ph1 được trả dần, mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền 300.000.000đồng; đồng thời, bà đề nghị ông H1 miễn tiền lãi cho ông Ph1.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức căn cứ quy định tại Điều 196, Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ghi ý kiến của bị đơn ông Huỳnh Thanh Ph1 đối với yêu cầu khởi kiện của ông H1. Tuy nhiên, bị đơn ông Ph1 cố tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về phạm vi khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về phạm vi khởi kiện: Ông Nguyễn Trung H1 khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh Ph1 trả số tiền nợ gốc 300.000.000đồng và tiền nợ lãi 27.375.000đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi, theo đó ông H1 đồng ý khấu trừ số tiền lãi 2.200.000đồng

mà ông Ph1 đã giao cho ông H1 vào sổ tiền lãi ông H1 khởi kiện ông Ph1. Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của ông H1 không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, Điều 188, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét những nội dung khác không liên quan đến nội dung khởi kiện của ông H1.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Nguyễn Trung H1 khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh Ph1 thanh toán cho ông H1 khoản nợ theo hợp đồng vay tài sản được ký kết giữa ông H1 và ông Ph1. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn Huỳnh Thanh Ph1 có hộ khẩu thường trú tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/02/2020, ông H1 cho ông Ph1 vay số tiền 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nợ lãi và nợ gốc, đến ngày 04/3/2021 ông H1 nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[3] Về vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Bị đơn ông Huỳnh Thanh Ph1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Do đó, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Huỳnh Thanh Ph1.

[4] Xét về nội dung tranh chấp:

[4.1] Xét hình thức, nội dung hợp đồng: Hợp đồng vay tài sản ngày 27/02/2020 được xác lập giữa ông Nguyễn Trung H1 với ông Huỳnh Thanh Ph1 trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội; có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy đây là hợp đồng hợp pháp, làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia giao kết hợp đồng.

[4.2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H1 thấy rằng:

[4.2.1] Xét về yêu cầu trả tiền nợ gốc: Ông H1 khởi kiện yêu cầu ông Ph1 thanh toán cho ông H1 số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng. Chứng cứ ông H1 cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là Hợp đồng vay tài sản được Văn phòng công chứng Long Hòa vào sổ công chứng số 1466, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD ngày 27/02/2020. Nội dung hợp đồng vay tài sản ngày 27/02/2020, tại Điều 1 và Điều 5 thể hiện: “ông H1 cho ông Ph1 vay số tiền 300.000.000đồng; sau khi các bên ký tên vào hợp đồng, ông H1 giao cho ông Ph1 số tiền 300.000.000đồng”; tại Điều 2 của hợp đồng thể hiện: “thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 27/02/2021”; hết thời hạn này, ông Ph1 chưa trả cho ông H1 số tiền nợ gốc 300.000.000đồng là vi phạm thỏa thuận các bên đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, ông Ph1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để ông Ph1 đến Tòa án trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ nhằm bảo vệ quyền lợi của ông Ph1 đối với yêu cầu khởi kiện của ông H1 nhưng ông Ph1 cố

tình vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, đây là lỗi của ông Ph1 tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Từ những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn ông Ph1 thanh toán số tiền nợ gốc 300.000.000đồng.

[4.2.2] Xét về yêu cầu trả tiền nợ lãi: Hợp đồng vay tài sản ngày 27/02/2020, tại Điều 3 thể hiện: “lãi suất vay do hai bên tự thỏa thuận nhưng không trái quy định của pháp luật”. Ông H1 khởi kiện yêu cầu ông Ph1 thanh toán số tiền nợ lãi với mức lãi suất là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng), cụ thể tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 04/3/2021 là 12 tháng 05 ngày x 9%/năm = 27.375.000đồng là thấp hơn mức lãi suất 20%/năm theo khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử xét chấp nhận. Tại tòa, ông H1 trình bày ông Ph1 có trả cho ông H1 được một tháng tiền lãi với số tiền 2.200.000đồng và ông đồng ý trừ số tiền này vào yêu cầu trả tiền nợ lãi là có lợi cho ông Ph1 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với số tiền lãi tính từ ngày 05/3/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm, ông H1 không yêu cầu ông Ph1 phải trả cho ông H1 nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Từ những phân tích tại mục [4.2.1] và [4.2.2], Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1. Buộc ông Ph1 có nghĩa vụ trả cho ông H1 số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền nợ lãi là 25.175.000đồng (tính từ ngày 27/02/2020 đến ngày 04/3/2021), tổng cộng là 325.175.000đồng.

[4.2.3] Đối với ý kiến trình bày của bà V1: bà V1 đề nghị ông H1 cho ông Ph1 trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi thanh toán đủ số tiền 300.000.000đồng và xin được miễn tiền lãi cho ông Ph1 nhưng không được ông H1 đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời trình bày này của bà V1.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh Ph1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 429, Điều 463, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trung H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Huỳnh Thanh Ph1.

1. Buộc ông Huỳnh Thanh Ph1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Trung H1 số tiền nợ gốc là 300.000.000đồng và tiền nợ lãi là 25.175.000đồng, tổng cộng là 325.175.000đồng (ba trăm hai mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thanh Ph1 phải chịu 16.258.750đồng (mười sáu triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trung H1 số tiền 8.185.000đồng tạm ứng án phí ông H1 đã nộp theo biên lai thu số 000.2936 ngày 18/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

4. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- CCTHADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS-AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Đông**